

Bản án số: **25/2023/DS-PT.**

Ngày 16/02/2023.

V/v: “*Tranh chấp lời đi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết

Ông Nguyễn Trung Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 16/02/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2023/TLPT-DS ngày 17/11/2022 về việc: “*Tranh chấp lời đi*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh BG bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 226/2022/QĐ-PT ngày 29/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/QĐ-PT ngày 17/01/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Cụ Nguyễn Văn T, sinh năm 1943 (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn Dương Sơn, xã Liên Sơn, huyện TY, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn Đình Chùa, xã Liên Sơn, huyện TY, tỉnh BG.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 60, đường Lê Sát, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1975 (có mặt)

2. Bà Thân Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1997 (vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 2005 (vắng mặt)

HKTT: thôn Dương Sơn, xã Liên Sơn, huyện TY, tỉnh BG.

Nơi ở hiện nay: thôn Đình Chùa, xã Liên Sơn, huyện TY, BG.

5. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà 17, đường Ngô Trang, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố BG, tỉnh BG.

6. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà 60, đường Lê Sát, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

7. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970 (vắng mặt)

8. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1995 (vắng mặt)

9. Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn Đình Chùa, xã Liên Sơn, huyện TY, tỉnh BG.

11. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Chung, xã Liên Sơn, huyện TY, tỉnh BG.

12. Ủy ban nhân dân xã Liên Sơn, huyện TY, tỉnh BG.

Đại diện theo ủy quyền bà Giáp Thị Hồng N - Công chức địa chính (vắng mặt)

13. Ủy ban nhân dân huyện TY, tỉnh BG.

Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Y - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. (vắng mặt)

*** Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Q.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn T trình bày:*

Vào năm 1994 cụ có mua lại thửa đất số 261, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.470 m² mang tên bà Nguyễn Thị Toán với giá 2.700.000 đồng có giấy tờ mua bán đất. Cụ đã trả đủ tiền và bà Toán đã giao đất cho cụ từ năm 1994 đến, khi đến ở thì đã sử dụng lối đi này từ đó đến nay. Giữa đất của cụ và Trạm y tế xã Liên Sơn có bờ tường ngăn cách, lối đi từ đất nhà cụ đi ra ngoài đường là lối đi giáp tường hoa của Trạm y tế. Nhà cụ và Trạm y tế đều đi chung một lối đi rộng 3m, chiều dài 36 m, từ khi đến ở cho đến nay. Cụ xác định nay thửa đất này cụ cho vợ chồng con trai là Nguyễn Văn Q ở trên đất và chưa được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ sinh sống trên đất từ năm 1994 đến năm 1997 cụ chuyển đi nơi khác, hiện nay có vợ chồng con trai cụ đang sinh sống trên đất.

Về thửa đất của bà H có nguồn gốc do UBND xã Liên Sơn thanh lý cho vợ chồng bà H vào năm 1991 và đến năm 2003 đã được cấp GCNQSDĐ nhưng các hộ liền kề không được ký giáp ranh nên diện tích lối đi mà cụ đang tranh chấp đã được cấp cả vào diện tích đất của vợ chồng bà H.

Cụ xác định diện tích lối đi không thuộc phần diện tích đất của ai mà thuộc đất của nhà nước. Nay cụ yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả lại phần đất là lối đi cho gia đình cụ có chiều rộng là 3m, chiều dài 36 m. Nay cụ khởi kiện yêu cầu gia đình bà Hoà phải trả lại lối đi của gia đình cụ có theo kết quả đo đạc hiện trạng có diện tích là 112,5 m² đất. Trường hợp nếu lối đi thuộc của bà H thì cụ không đồng ý bỏ tiền để mua lại phần diện tích đất này mà cụ buộc bà H phải trả lại lối đi cho gia đình con trai cụ sử dụng.

- Về tài sản trên đất: Trên diện tích tranh chấp thuộc phần lối đi không có tài sản gì nên không yêu cầu về tài sản trên đất.

** Tại bản tự khai và các lời khai trong hồ sơ vụ án, bị đơn là Nguyễn Thị H trình bày:*

Vợ chồng bà có mua lại thửa đất thửa đất số 262, tờ bản đồ số 17 của Trạm y tế xã Liên Sơn vào năm 1992, sau khi mua gia đình bà chuyển đến sinh sống trên thửa đất đến năm 2003 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Hữu Bách với diện tích là 1.548m². Hộ gia đình bà sinh sống trên thửa đất từ khi năm 1992 đến năm 2006 chuyển ra ngoài gần đường nhựa ở và thửa đất 262 chuyển sang làm trang trại chăn nuôi và trồng cây ăn quả từ đó cho đến nay. Căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 789033 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01621/QSDD/202/QĐ-CT ngày 05/11/2003 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có diện tích nào là lối đi. Trong bản đồ địa chính cũng không có lối đi qua đất nhà bà. Việc gia đình bà cho cụ Nguyễn Văn T đi nhờ qua đất trong những năm qua là do tình làng nghĩa xóm và cũng do gia đình bà không sinh sống trên diện tích đất từ lâu nên gia đình cụ T đã coi đây là lối đi. Nay bà xác định không có nghĩa vụ dành lối đi cho gia đình cụ T. Theo bản đồ địa chính từ năm 1990 đã quy hoạch lối đi vào thửa đất nhà cụ T và hộ ông Tuyển đã rõ ràng trên bản đồ giải thửa do đó thửa đất nhà cụ T có lối đi phía sau nhưng cụ T không mở lối đi này. Nay gia đình bà không đồng ý cho đi nhờ nữa. Bà xác định diện tích đất lối đi thuộc đất của gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận nên cụ T yêu cầu trả lại bà không đồng ý.

** Tại bản tự khai và các lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Hợp, bà Lý đều thống nhất trình bày:* Bố mẹ các chị có mua lại thửa đất thửa đất số 262, tờ bản đồ số 17 của Trạm y tế xã Liên Sơn vào năm 1992, sau khi mua gia đình chị chuyển đến sinh sống đến năm 2003 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Hữu Bách với diện tích là 1.548m². Hộ gia đình chị sinh sống trên thửa đất số 262, tờ bản đồ số 17 từ khi mua đất của Trạm y tế xã đến năm 2006 chuyển ra ngoài gần đường nhựa ở và thửa đất 262 chuyển sang làm trang trại chăn nuôi và trồng cây ăn quả cho đến nay. Căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 789033 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01621/QSDD/202/QĐ-CT ngày 05/11/2003 thì thửa đất không có diện tích nào thể hiện có lối đi vào thửa 261 của nhà cụ T, cũng theo bản đồ giải thửa năm 1991 và bản đồ năm 2010 thì cũng không Q hoạch lối đi qua đất nhà các chị vào thửa 261 mà quy hoạch lối đi ở phía sau. Lý do có lối mòn từ Trạm y tế sang các thửa đất xung quanh như hộ bà

Toán, ông Tuyền là do Trạm y tế là nơi công cộng nên mọi người vẫn sử dụng đi tắt qua cho tiện. Sau khi nhà chị mua đất của Trạm y tế thì do tình làng nghĩa xóm và sau đó cũng chỉ ở một thời gian rồi lại trồng cây nên cho hộ cụ T đi nhờ qua đất. Đến nay đã quy hoạch lối đi vào thửa đất nhà cụ T và hộ ông Tuyền đã rõ ràng trên bản đồ giải thửa nên thửa đất nhà cụ T có đường đi phía sau nhưng cụ T không mở lối đi này. Nay gia đình chị không đồng ý cho cụ T đi nhờ nữa. Chị xác định diện tích đất lối đi thuộc đất của gia đình chị nên cụ T yêu cầu trả lại các chị không đồng ý.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị H5, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Văn H2 trình bày:* Gia đình ông Q, bà Huyện đang sinh sống trên đất và vẫn sử dụng lối đi đang tranh chấp từ khi đến ở. Nay gia đình ông Q, bà Huyện đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của cụ T đề nghị Tòa án buộc bà Hoà phải trả lại lối đi từ giáp đất của cụ T đến hết góc bên phải phía trước thửa đất của bà Hoà, cụ thể là lối đi có diện tích 112,5m² vào thổ cư của ông Q, bà Huyện.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Văn H4 đều trình bày:* Về thửa đất số 261, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.470 m² mà gia đình ông Q, bà Huyện đang sinh sống trước đây là của cụ Nguyễn Thị Toán, vào năm 1994 thì cụ Toán đã bán đất cho cụ T với giá 2.700.000 đồng có giấy tờ mua bán đất. Các đương sự đều xác định từ khi ở trên đất đều đi qua lối đi này cho đến nay và lối đi này chỉ có một mình gia đình cụ Toán sử dụng cho đến khi bán đất cho cụ T và nay gia đình ông Q, bà Huyện đang sinh sống trên đất nên việc mua bán đã xong không còn liên quan gì nữa.

- Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên do bà Nguyễn Thị Y - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TY, tỉnh BG trình bày:

Về nguồn gốc, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 17, diện tích là 1.548m² có nguồn gốc mua lại của Trạm y tế xã và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 789033 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01621/QSĐĐ/202/QĐ-CT ngày 05/11/2003 mang tên Nguyễn Hữu Bách (chồng bà Nguyễn Thị Hoà).

Căn cứ bản đồ đo đạc bản đồ địa chính năm 1990 thửa đất số 262, tờ bản đồ số 17 không thể hiện đường đi trong thửa đất số 262 (bà Hoà) vào thửa 261 (cụ T).

Về hồ sơ lưu trữ cấp GCNQSĐĐ của Đ 789033 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01621/QSĐĐ/202/QĐ-CT ngày 05/11/2003 mang tên Nguyễn Hữu Bách hiện không còn lưu trữ.

Theo bản đồ đo đạc bản đồ địa chính năm 1990 thửa đất số 262, tờ bản đồ số 17 do bà Hoà sử dụng không thể hiện đường đi trong thửa đất số 262 vào thửa 261, tờ bản đồ số 17.

Bản đồ năm 1990 có thể hiện lối đi nằm ở phía Bắc giáp thửa 261, 262, 263, tờ bản đồ số 17, vị trí lối đi chung với hộ ông Tuyền.

- Ủy ban nhân dân xã Liên Sơn do bà Giáp Thị Hồng N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thửa đất số 262, tờ bản đồ số 17, diện tích là 1.548m² có nguồn gốc mua lại của Trạm y tế xã và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 789033 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01621/QSDĐ/202/QĐ-CT ngày 05/11/2003 mang tên Nguyễn Hữu Bách (chồng bà Nguyễn Thị Hoà). Hiện tại UBND xã Liên Sơn không còn lưu hồ sơ lưu trữ cấp GCNQSDĐ của Đ 789033 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01621/QSDĐ/202/QĐ-CT ngày 05/11/2003 mang tên Nguyễn Hữu Bách.

Theo bản đồ năm 1990 thửa đất số 262, tờ bản đồ số 17 do bà Hoà sử dụng không thể hiện lối đi vào thửa đất số 261, tờ bản đồ số 17.

Bản đồ năm 1990 có quy hoạch lối đi vào thửa số 261, tờ bản đồ số 17 nằm ở phía Bắc giáp thửa 261, 262, 263, tờ bản đồ số 17, vị trí lối đi chung với hộ ông Tuyến.

Thực tế hiện nay cụ T không sinh sống trên thửa đất mà do gia đình ông Q, bà Huyện đang sinh sống và đang đi qua đất của bà Hoà theo lối đi này mà không sử dụng lối đi theo quy hoạch trên bản đồ địa chính.

Với nội dung trên án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh BG đã Quyết định:

Căn cứ Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 245, Điều 248, Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 171, Điều 203, của Luật Đất đai 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoà trả lại lối đi có tổng diện tích là 112,5 m² (số liệu lấy theo kết quả đo đạc ngày 09/8/2022) trên đất của bà Hoà đang quản lý đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Hữu B (chồng bà Nguyễn Thị H) tại thửa 262, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.548 m². Địa chỉ thửa đất tại thôn Đình, xã Liên Sơn, huyện TY, tỉnh BG.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 29/9/2022 ông Nguyễn Văn Q nộp đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, cho rằng bản án sơ thẩm xử không đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông thấy bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của bố ông làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông, không

xem xét đến lời khai của những người làm chứng và không xem xét đến quyền sử dụng đất của bị đơn có hợp pháp không.

- Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Q, thửa đất bà mua của UBND xã Liên Sơn trước đây là của trạm y tế xã. Khi mua trạm y tế tự mở đường để tiện việc sử dụng không phải lối đi chung do Nhà nước quản lý. Lối đi này đi xuyên qua giữa đất của gia đình bà làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình bà nên bà không cho gia đình cụ T, anh Quy đi nhờ qua đất nữa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Q. Căn cứ khoản 1 Điều 308, giữ nguyên án sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh BG.

- Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông Q phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. HĐXX căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q trình bày: Gia đình ông đang sinh sống trên đất và vẫn sử dụng lối đi đang tranh chấp từ khi đến ở. Ông đề nghị Tòa án buộc bà Hoà phải trả lại lối đi từ giáp đất của cụ T đến hết góc bên phải phía trước thửa đất của bà Hoà có diện tích 112,5m² vào thổ cư của ông.

HĐXX thấy theo các tài liệu có trong hồ sơ xác định: Bản đồ năm 1990 thửa đất số 262, tờ bản đồ số 17 do bà Nguyễn Thị H sử dụng có nguồn gốc mua của trạm y tế xã năm 1992 được Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 789033, sổ vào sổ cấp GCN: 01621/QSDĐ/202/QĐ-CT ngày 05/11/2003 mang tên ông Nguyễn Hữu Bách (chồng bà Hoà) tại thửa 262, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.548 m². Địa chỉ thửa đất: tại thôn Đình, xã Liên Sơn, huyện TY, tỉnh BG. Thửa đất của cụ T có nguồn gốc mua lại của bà Nguyễn Thị Toán vào năm 1994 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong quá trình quản lý sử dụng đất từ gia đình bà Toán, gia đình cụ T vẫn sử dụng lối đi này.

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, trên thửa đất mang tên hộ ông Nguyễn Hữu B (chồng bà H) không thể hiện lối đi vào thửa đất số 261, tờ bản đồ số 17. Bản đồ năm 1990 có quy hoạch lối đi vào thửa số 261, tờ bản đồ số 17 (do ông Q, bà Huyện đang sử dụng) nằm ở phía Bắc giáp thửa 261, 262, 263, tờ bản đồ số 17, vị trí lối đi chung với hộ ông Tuyến. Cụ thể:

- Tại biên bản giao đất được thực hiện giữa các thành phần có mặt tại thời điểm giao đất ngày 19/01/1994 gồm có ông Nguyễn Huy Tinh - Phó chủ tịch UBND xã, ông Nguyễn Ngọc Giao - Cán bộ địa chính, ông Thân Văn Nam - Trưởng xóm Đình Chùa, ông Nguyễn Văn Hiện đại diện bên bán, cụ Nguyễn Văn T đại diện bên mua, các thành phần đã thống nhất ký tên thì tại mục 2 về ranh giới có ghi phía Tây giáp nhà anh Bách có tường rào ngăn cách, phía Tây Bắc giáp đường đi nhà anh Tuyến có bờ rào gianh giới. Như vậy tại thời điểm giao đất năm 1994 không thể hiện lối đi từ hộ cụ T đi qua nhà ông Bách (chồng bà Hoà) và phù hợp với quy hoạch lối đi trên bản đồ giải thửa năm 1990, bản đồ địa chính năm 2010 của thửa đất số 261 (ông Q, bà Huyện đang sử dụng) nằm phía Bắc tức là lối đi phía Tây Bắc giáp hộ ông Tuyến.

- Căn cứ vào các bản đồ và kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, Hội đồng xét xử thấy: Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 09/8/2022 thấy hiện trạng sử dụng thửa đất số 262, tờ bản đồ số 17 do bà H quản lý đang trồng cây lâu năm, từ phía cổng nhà bà Hoà có lối mòn phía trước nhà qua đất vườn đến cổng nhà ông Q, việc sử dụng lối đi này là tự sử dụng, tự mở lối đi chứ không theo đúng quy hoạch. Từ thửa đất số 261 (cụ T) do ông Q, bà Huyện đang quản lý, sử dụng có lối đi ra đường bê tông được quy hoạch trên bản đồ giải thửa năm 1990 cho các thửa đất số 261, 262, 263. Căn cứ bản đồ giải thửa năm 1990 không có lối đi theo hiện trạng qua thửa đất của bà H.

Căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Hữu B tại thửa 262, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.548 m² (theo bản đồ năm 2010) tại thôn Đình, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên đối chiếu với bản đồ giải thửa năm 1990 thì tại cạnh tiếp giáp giữa hai hộ cụ T và bà Hoà không có lối đi từ thửa 261 sang thửa đất 262. Lối đi vào đất gia đình cụ T hiện đang sử dụng là do tự mở lối đi qua đất bà Hoà chứ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Bách không có lối đi mà các bên đang tranh chấp nên việc cụ Nguyễn Văn T yêu cầu gia đình bà Nguyễn Thị H trả lại lối đi có tổng diện tích là 112,5 m² (số liệu lấy theo kết quả đo đạc ngày 09/8/2022) để làm lối đi cho gia đình cụ T là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Việc gia đình ông Ty cho rằng có lối đi qua thửa đất nhà bà H và yêu cầu bà H phải trả lại lối đi là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì mới như đã cung cấp ở Tòa án cấp sơ thẩm do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q nêu tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân

dân huyện TY, tỉnh BG về việc “Tranh chấp lời đi” giữa Cụ Nguyễn Văn T với bà Nguyễn Thị H.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của ông Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 BLTTDS và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Văn Q về việc “Tranh chấp lời đi” giữa nguyên đơn Cụ Nguyễn Văn T với bị đơn bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh BG.

2. Án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 BLTTDS và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0011804 ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh BG.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Cổng thông tin điện tử ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương